

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thoa.

2. Ông Trần Văn Hà.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST – HNGĐ ngày 18/6/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Mai Đình T – sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh B – sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/6/2018 và bản tự khai ngày 25/6/2018 anh Mai Đình T trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp, quan điểm sống hoàn toàn trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xảy ra xung đột cãi vã lẫn nhau không quan tâm

vun đắp hạnh phúc gia đình, chị B thiếu tôn trọng chồng và gia đình bên chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh B.

Về con chung: Anh và chị B có 03 con chung, cháu Mai Phương A – sinh ngày 28/12/2007, cháu Mai Gia B – sinh ngày 21/10/2011 và cháu Mai Đức M – sinh ngày 26/7/2016. Nếu ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi cháu Gia B, giao cháu Phương A, cháu M cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo qui định của pháp luật.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị B; Chị B đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị cố tình vắng mặt nên không có ý kiến của chị về việc anh T xin ly hôn với chị. Chị B vắng mặt không đến Tòa án nên chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2018 ông Mai Văn B(xóm trường xóm 1 N) cho biết: Anh T và chị B mâu thuẫn xảy ra đã lâu. Hiện tại 03 con của anh T và chị B đang ở với chị B.

Ngày 29/8/2018 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị B vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa theo qui định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự(BLTTDS).

Tại phiên Tòa hôm nay chị B vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B. Còn đối với anh T vẫn giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn; về con chung anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Phương A và cháu Mai Gia B; còn chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đức M, anh T không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định, bị đơn không chấp hành theo qui định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Đình T về ly hôn và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

[2]Về hôn nhân: Anh Mai Đình T và chị Nguyễn Thị Thanh B kết hôn ngày 02/3/2007. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống những năm gần đây thường xảy ra mâu thuẫn xung đột, cãi vã chửi nhau thường xuyên và sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết ly hôn, chị B cố tình tránh mặt nên không biết quan điểm, điều đó chứng tỏ chị B không tha thiết gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mới bỏ mặc như vậy. Vì vậy, nghĩ cần xử cho anh Mai Đình T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh B là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

[3]Về con chung: Anh T và chị B có 03 con chung, anh T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Phương A và cháu Mai Gia B. Tuy nhiên cháu Mai Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ; còn cháu Mai Đức M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hiện nay các cháu đang ở với chị B. Vì vậy, nên giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A và cháu Đức M. Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Gia B. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B là phù hợp thực tế và qui định của pháp luật.

[4]Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Anh Mai Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 ; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Đình T. Cho anh Mai Đình T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh B.

*Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Gia B – sinh ngày 21/10/2011. Giao cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Mai Phương A – sinh ngày 28/12/2007 và cháu Mai Đức M- sinh ngày 26/7/2016. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng là 750.000đ/cháu/tháng. Hai cháu

là:1.500.000đ/tháng(*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu Phương A và cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, bên trực tiếp nuôi con không được ngăn cấm, cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng, người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

*Về án phí: Anh Mai Đình T phải chịu: 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và: 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là: 600.000đ(*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002798 ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh T còn phải nộp:300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

*Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị B. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật

Trò hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu